

Thời Thế, Thiện, Ác, và... Con Người

Vương Mộng Long - K20



Một ngày cuối tháng Ba năm 1970 Thượng Sĩ Woodell ghé Cư Xá Trần Quý Cáp- Pleiku đón tôi vào Bệnh Viện 71 Dã-Chiến Hoa-Kỳ để ghi tên xin khám bệnh. Hôm sau, tôi chính thức nhập viện để được giải phẫu một vết thương.

Đúng lý ra, hôm đó, tôi phải lên đường về trình diện Tổng Y Viện Cộng-Hòa theo quyết định của Bác Sĩ Trung, Giám-Đốc Quân Y Viện Pleiku. Chỉ vì sáu tháng trước đây, vết thương trên vai trái của tôi đã được mổ một lần. Lần đó bác sĩ chỉ lấy ra được hai mảnh đạn nhỏ, còn mảnh đạn lớn vì ở quá sâu lại dính với xương vai, nên tôi được xuất viện về đơn vị, chờ ít lâu, sẽ di chuyển xuống vùng sườn trái, khiến cả một vùng cơ bắp sưng tấy, và đang làm độc. Ban Giám Đốc Quân Y Viện Pleiku đã làm thủ tục chuyển tôi về Tổng Y Viện Cộng-Hòa vì nơi đây có nhiều phương tiện chữa trị hơn. Tôi về đơn vị trình bày việc này cho trung tá liên đoàn trưởng, lúc đó cũng có mặt ông trung tá cố vấn trưởng liên đoàn. Ông trung tá Hoa-Kỳ nêu ý kiến, giới thiệu tôi vào Bệnh Viện 71 Dã-Chiến Hoa-Kỳ trước, nếu chữa không xong, họ sẽ chuyển tôi ra Hạm Đội 7.

Bệnh viện 71 Dã Chiến nằm trong một thung lũng, bên cạnh con đường nhựa nối liền phi trường Cù-Hanh và Bộ Tư-Lệnh Quân-Đoàn II. Bệnh viện này là nơi tiếp nhận thương binh Mỹ từ các chiến trường Cao-Nguyên Vùng 2 chuyển về. Từ đây thương binh được cấp cứu, điều trị sơ khởi, sau đó tùy theo tình trạng nặng nhẹ, họ sẽ được chuyển về Sài-Gòn hay chuyển ra Hạm Đội 7.

Thay quần áo xong, tôi được đưa vào phòng Quang Tuyến X rồi chuyển sang phòng chẩn bệnh. Nơi đây đã có mặt một nữ y sĩ trung tá già da đen. Bà y sĩ trung tá này chính là trưởng khoa giải phẫu của Bệnh Viện 71 Dã-Chiến. Hình dáng của bà ta thật là cao lớn và thô kệch, nhưng giọng nói của bà lại vô cùng ấm áp dịu dàng. Rất tử tế, bà tự tay đo, và ghi trên hồ sơ, nhịp tim, mạch của tôi. Rồi bà bước ra cửa, nói nhỏ với cô điều dưỡng vài lời. Một phút sau ông đại úy bác sĩ phụ trách ca mổ của tôi có mặt. Ông y sĩ đại úy này da trắng, cũng hơi lớn tuổi, và mang kiếng trắng. Hai vị thầy thuốc luân phiên quan sát hai tấm hình X Ray, rồi sờ nắn vùng đang sưng tấy bên nách tôi. Khi ngón tay của họ nắn bóp trên chỗ sưng, tôi cảm như nơi đó là một quả xoài đã chín nhũn, chứ chẳng thấy đau đớn gì cả. Công việc chẩn bệnh chấm dứt, tôi ngồi chờ người dẫn sang phòng mổ.

Chợt ngoài bãi đáp có tiếng động cơ của trực thăng tản thương. Hai điều dưỡng viên chạy ra khiêng chiếc cáng, trên đó là một thương binh băng kín nửa người phần dưới. Theo sau chiếc cáng là một sĩ quan Mỹ và một sĩ quan Việt-Nam. Người sĩ quan Việt-Nam đó là Đại-Úy Phạm Văn Tư Khóa 19 Võ Bị, tôi quen biết. Anh Tư là dân Tinh-Báo, đang tăng phái ngắn ngày cho ban thẩm vấn đặc biệt của Mỹ tại Hàm-Rông. Thấy bệnh nhân là một người Việt-Nam, nên tôi thắc mắc hỏi anh Tư:

- Úa! Sao Niên Trưởng không đưa người của Niên Trưởng vào Quân Y Viện Pleiku mà lại đưa vào đây?
- Có phải người của “moa” đâu? Việt-Cộng đó!
- Việt-Cộng à?
- Thành Việt-Cộng này vương Claymore ngoài rào trại Dak-Séang. Mỹ bắt được, đem về Camp Enari, giao cho Phòng 2 Sư Đoàn 4 (Hoa-Kỳ)
- Từ Camp Enari về đây có vài ba cây số sao không dùng xe mà phải xử dụng tới trực thăng?
- “Moa” thấy đuôi của anh ta bị quần “garô” sưng to quá, sợ xảy ra nội xuất huyết thì chết, nên đề nghị với Mỹ lấy máy bay của sư đoàn, đưa anh ta về đây.

Nhìn mặt người nằm trên cáng, tôi đoán chừng hán cũng cỡ tuổi của tôi và anh Tư thôi.

- Hán thuộc đơn vị nào vậy?
- Tụi “moa” vừa ký nhận đã phải đưa tới đây ngay. Chưa hỏi được câu nào.
- Bộ anh ta đi đánh nhau không mang theo giấy tờ gì sao?
- Có chứ! Nhưng tài liệu mình còn để trên bàn. Việc cứu người là trọng, phải lo trước. Chiều nay mình sẽ nghiên cứu tài liệu cũng chưa muộn.
- Ừ nhỉ! Dù gì thì hán ta cũng là người Việt-Nam, chỉ không cùng chiến tuyến với chúng mình.

- “Toa” biết không? Trên đường đi, hẳn cứ luôn mồm gọi “Xuân ơi! Xuân ơi!” Chắc hẳn yêu thương người mang tên Xuân này lắm .

Tôi gật đầu, tán đồng,

- Dù là Quốc-Gia hay Cộng-Sản, thì con người nào cũng có một trái tim, biết yêu thương, và biết giận hờn.

Một năm trước đây, trong trận Dak-Tô (5/1969), tôi đã trải qua tình cảnh tương tự như người cán binh Cộng-Sản này. Ngày đó, vào giờ phút tuyệt vọng nhất, trái tim tôi chỉ còn hình bóng người mà tôi yêu thương nhất. Tôi đã gọi tên người này nhiều lần trước khi bị ngắt đi.

Tên tù binh được chuyển vào phòng X Ray rồi sang phòng chẩn bệnh. Hai Quân-Cảnh Hoa-Kỳ được gửi tới canh gác trước phòng chẩn bệnh. Đại Úy Tư bắt tay tôi, rồi cùng viên sĩ quan Mỹ rời bệnh viện. Khi tôi và tên tù binh được đẩy vào phòng giải phẫu thì trên bàn mổ đang diễn ra một ca phẫu thuật khá ồn ào. Một nam bác sĩ cùng hai nữ y tá cố gắng và kiên nhẫn lắm mới lấy được cái đầu đạn đồng A.K 47 ra khỏi đùi trên của một anh lính Hoa-Kỳ. Anh lính này da trắng, còn rất trẻ, tuổi chừng mười chín hai mươi là cùng. Anh chàng bị cột chặt nửa người dưới và hai chân xuống bàn mổ, để tránh dấy dựa, gây trở ngại cho bác sĩ.

Chắc việc mổ xẻ làm cho người trẻ tuổi đau đớn lắm, nên anh ta không ngớt khóc lóc, kêu la. Ông bác sĩ và hai cô y tá cứ phải luôn miệng, dỗ dành, an ủi anh. Trước cảnh này tôi cũng thấy tội nghiệp. Mỗi khi hoàn tất một pha mổ, toán phục dịch vệ sinh lại nhanh tay thay cái khăn bàn mới, rồi đẩy vào phòng một khay đựng dụng cụ giải phẫu khác đã tẩy trùng. Ca mổ của anh lính Hoa-Kỳ chấm dứt thì tới phiên anh tù binh Cộng-Sản. Mỗi bên đùi của tên tù binh này bị hai viên chì Claymore ghim sâu tới xương. Bác sĩ phải đánh thuốc tê từng chân, mổ lấy đạn chì từ từng vết thương một. Do đó, thời gian hoàn thành công việc này khá dài.

Nhìn những giọt mồ hôi chảy thành dòng trên má hẳn, tôi nghĩ hẳn đang nén cơn đau. Trong suốt nửa giờ đồng hồ, hẳn chỉ rên nho nhỏ trong miệng, trừ hai lần bác sĩ gấp đạn ra khỏi đùi phải thì y chịu không nổi, buột miệng hét lên, “ *Ói! Ói! Đau! Đau quá!... Ừ!... Ừ!... ừ... ừ...*”

Với ca mổ này, cô điều dưỡng da trắng cũng tận tình săn sóc tên Việt-Cộng, không khác gì đã làm đối với anh lính Mỹ trong ca mổ trước. Cô dịu dàng lau đi những giọt mồ hôi trên mặt người tù. Dù biết rằng người được chăm sóc không hiểu cô nói gì, nhưng cô cứ dỗ dành, “*Don't worry! Don't worry! You will be Okay!*” Qua cử chỉ dịu dàng và giọng nói êm như ru của cô, không ai dám nghi ngờ rằng cô đang đóng kịch. Bốn viên chì đã được lấy ra rồi. Vết thương cũng được may vá và băng bó xong. Y tá chuyển người tù sang chiếc xe lăn, cạnh chiếc xe lăn của anh lính Mỹ.

Là bệnh nhân cuối cùng, tôi leo lên bàn mổ mà nửa người bên trái nặng như đeo chì. Tôi bị cởi trần, nằm hơi nghiêng về bên trái. Cô y tá vừa lau sạch đám bọt oxygen trên vùng sườn trái của tôi, thì ông bác sĩ bắt đầu dùng mười đầu ngón tay ấn nhẹ nhàng quanh, thăm dò. Rồi thật từ từ, ông dùng iode vàng xoa trên vùng đang mưng mủ, rộng dần ra thành một bề mặt cỡ lòng bàn tay. Ông y sĩ đại úy chích cho tôi ba mũi thuốc tê, rồi huyền thuyên cùng tôi đôi chuyện nắng mưa. Vài phút sau, ông mới bắt đầu ra tay. Dưới tay ông, lưỡi dao sắc như nước, nhanh như chớp, cắt ngọt hai nhát chéo chữ “X” xuyên da, thịt, chạm tới xương sườn của tôi. Sau đó, cứ thủng thình, ông xẻ dọc, rồi xẻ ngang, như người ta đang bằm một cái bánh mềm. Tới khi thịt da trên cái diện tích cỡ lòng bàn tay đó bị bầy ra rồi, ông bác sĩ mới dùng một lưỡi dao cong như lưỡi hái, mạnh tay cạo từng lọn thịt bầm màu xanh lẫn với máu mủ, cho rơi xuống một cái thau nhôm do cô y tá hứng. Vì nằm nghiêng về bên trái, tôi thấy cái thau nhôm chứa lẫn nhồn những cục thịt pha máu đỏ, mủ xanh, mủ vàng, tanh hôi vô cùng.

Tôi chợt nghĩ, nếu như tôi cứ cứ ỷ ỷ, không chịu nhập viện, chắc chỉ sau một thời gian ngắn nữa thôi, cả vùng sườn bên trái của tôi sẽ thối rữa thành mạch lươn, hết phương cứu chữa. Khi lưỡi dao đục khoét lớp da thịt bên ngoài, tôi chưa thấy đau đớn chút nào, tới lúc lưỡi dao cạo trên xương nghe, “Két! Két! Cột! Cột!” thì điếng người. Ngay cả khi ở ngoài mặt trận, bị mảnh đạn ghim vào, tôi cũng không thấy đau như thế này. Toàn thân tôi run lên bần bật như đang cơn sốt rét. Tôi bật người lên, oằn người xuống, đồng bộ với những nhát dao đang cào, nạo xương sườn của tôi. Tôi cắn chặt hai hàm răng vào nhau. Hình như môi dưới của tôi bị răng tôi cắn chảy máu mất rồi? Mồ hôi trên mặt tôi chảy như tắm, rớt ròn ròn trên tấm nhựa trắng trải bàn mổ. Tôi nghĩ, lúc đó có lẽ mặt tôi đã xám xịt như chàm? Nhưng tôi vẫn còn tỉnh táo lắm. Tôi biết, lúc này, có hai người đồng cảnh ngộ, một bạn, một địch, đang chăm chú theo dõi, đánh giá sức chịu đựng của một người lính Việt-Nam Cộng-Hòa. Một giọt nước mắt, một tiếng kêu la của tôi sẽ nằm trong trí nhớ của họ suốt đời.

Tôi nhắm mắt, nghĩ tới cảnh những thương binh Việt-Nam Cộng-Hòa khác đã từng lên bàn mổ, bị cưa chân, cưa tay, chắc họ phải chịu đau đớn vạn lần hơn tôi. Tôi tự an ủi rằng, mình còn may mắn hơn những người này rất nhiều... Rồi tôi hồi tưởng lại truyện Tam Quốc Chí đọc ngày còn bé, với huyền thoại Tướng Quân Quan Vân Trường cứ ung dung ngồi uống rượu, ngâm thơ không màng tới việc Hoa Đà đang xẻ thịt, cạo xương ông để rút mũi tên tẩm thuốc độc đang ghim trên vai ông ta ra. Ngày xưa làm gì có thuốc tê, thuốc mê? Vậy mà Quan Công không hé chút đau đớn nào, thì ông quả là người có sức chịu đựng phi thường. Càng nghĩ, tôi càng phục vị anh hùng thời Tam Quốc này quá!

Bỗng nhiên bác sĩ ngừng tay dao, đưa tay chụp cái kim. Ông ngoáy mũi kim vào cạnh sườn tôi, kẹp chặt một vật, rồi giựt mạnh! Theo phản xạ, tôi vội oằn mình, uốn người lên, nương theo hướng lôi kéo của mũi kim. “Bực!” thân mình tôi như bị móc lên cao, rồi rơi xuống mặt bàn. Tôi có cảm giác như vừa bị ông bác sĩ giựt đứt một phần thân thể. Đau thấu xương, đau tới ù tai, hoa mắt luôn! Quá sức chịu đựng, tôi xón đá ra quần mà không hay! “*Here it is!*” Ông bác sĩ vừa cười, vừa giơ cái mũi kim cho tôi thấy một cục thịt to bằng đầu ngón tay cái, máu đỏ bầy nhầy. Đó là cái mảnh 82 ly vừa bị gấp ra từ khe hở giữa hai cái sườn sườn. Thả cục đạn xuống cái khay trên bàn, ông bác sĩ lại tiếp tục cào nạo. Tay chân tôi bủn rủn không còn hơi sức. Tôi mệt là người, nằm im như cái xác. Hồi lâu sau, ông bác sĩ ngừng tay, hất hàm ra dấu cho cô điều dưỡng đứng chờ bên tủ thuốc. Hiểu ý, cô điều dưỡng bưng ra, đặt trên bàn một hộp nhựa chứa hai cái lọ. Bác sĩ nhanh tay lau sạch máu trên vết mổ, rồi mở nắp cái lọ, rút ra một sợi bấc tẩm thuốc bột trụ sinh màu vàng như nghệ. Với cái kẹp inox, ông khéo léo nhét hết hai lọ băng bấc đèn màu nghệ vào đầy vết mổ. Xong xuôi, cô y tá dán miếng vết thương bằng một tấm băng hai lớp chứa bông gòn ở giữa, rộng bằng bàn tay. Bên ngoài miếng băng này, cô còn quấn thêm một lớp băng cứu thương quanh ngực tôi để cho tôi bớt đau. Ông bác sĩ và hai cô y tá đều mang băng che miệng, tôi không thấy miệng họ cười, mà chỉ thấy mắt họ cười, khi ca mổ vừa hoàn tất.

Những gì xảy ra trong phòng giải phẫu buổi trưa hôm đó đã cho tôi thấy cái ý nghĩa cao quý của ngành y. Dưới mắt của người thầy thuốc, việc cứu người là mục đích tối thượng. Mạng sống của mỗi con người đều quan trọng như nhau: Dù người đó là bạn hay thù, là da trắng hay da màu, là Cộng-Sản hay Quốc-Gia.

Cô điều dưỡng vừa đẩy cái khay dụng cụ đi khuất thì bà y sĩ trung tá trưởng khoa bước vào. Bà nói đôi lời với ông bác sĩ, rồi cúi xuống bế tôi gọn trên đôi cánh tay to lớn của bà. Giọng nói của bà bên tai tôi, dịu dàng như giọng của một hiền mẫu, “*Oh! My baby! My baby! You will be Okay! My baby...*” Anh lính Mỹ và tên cán binh Việt-Cộng cũng sững người, trở mắt. Bà bác sĩ bế tôi đi trước, hai cái xe lăn của anh lính Mỹ và tên cán binh Cộng-Sản được y tá đẩy theo sau. Ra tới phòng hồi lực, bà đặt tôi xuống giường rồi lẳng lẳng đi ra. Lúc sau bà quay lại, trên tay có gói Salem và cái kẹp diêm cây. Bà để gói thuốc lá và diêm quẹt trên đầu giường tôi, rồi dơ ngón tay trở điểm điểm một vòng, ngụ ý món quà này dành cho cả ba người. Giường tôi nằm ở giữa, bên trái là anh bạn Đồng-Minh, bên phải là tên cán binh Cộng-Sản. Chỉ có đầu giường tôi bị treo lủng lẳng dây nhợ chuyên nước biển pha thuốc trụ sinh. Còn giường hai bên không bị vướng vít gì, vì họ đã được chích Penicillin rồi.

Tôi đốt một điếu Salem đưa cho anh lính Mỹ. Anh ta lắc đầu, nhỏ nhẹ:

- Thank you!

Tôi đưa điếu thuốc lên môi, kéo một hơi dài, nhà khói. Tôi trao bao thuốc cho tên Việt-Cộng,

- Này hút đi! Salem đầu lọc nhẹ lắm!

- Không thèm! nhìn tôi với ánh mắt lừ lừ, gờm gờm, hấn ta gằn giọng. Tôi tỉnh như ruồi,

- Không hút thì thôi! Tớ hút một mình.

- Thuốc của đế quốc, không thèm hút!

- Thông cảm đi! Ở đây không có thuốc Lào. Chỉ có thuốc thơm đế quốc thôi. Không hút thì nằm đó mà ngủi khói.

Tới chiều, chúng tôi được cung cấp mỗi người một khay thức ăn, gồm một bánh mì kẹp thịt bò, một hộp sữa tươi, và một chùm nho. Tôi và chú GI ăn uống rất ư là tự nhiên, còn tên cán binh Bắc-Việt thì nằm quay mặt vào tường không thèm chạm tới cái khay. Trước khi quay gót đem theo cái khay của tôi, cô điều dưỡng nhìn tên bộ đội một lúc, rồi dịu giọng,

- Take it! It's good for you!

Tôi chêm thêm,

- Ăn đi chứ! Không ăn thì chết đói! Muốn gì thì cũng phải sống trước đã! Ăn đi!

Cô y tá nhìn tôi, đồng tình,

- May you tell him to take it?

Tôi nghiêm mặt, hù cho anh cán binh sợ thêm.

- Thôi ăn đi! Anh không ăn, cô ấy đẹp mắt thì đói đấy!

Anh chàng hình như cũng đói lắm rồi? Sau một phút ngập ngừng, chàng đưa tay cầm kẹp bánh mì, rồi vội quay mặt vào tường.

Buổi tối, trời trở lạnh, anh lính Mỹ nổi cơn, la hét, chửi bới om xòm. Cô y tá trực phải tới ngồi ở cuối giường, an ủi dỗ dành, rồi đọc truyện cho anh ta nghe. Tôi mỗi một điều Salem, đưa cho tên Việt-Cộng,

- Hút đi! Không nguy hiểm tới tính mạng đâu mà sợ.

Lần này thì hẳn ta không từ chối nữa.

- Ủ! Có thể chứ! Này! Vì sao bị thương và bị "tó" vậy? tôi bắt đầu gạ gẫm.

- Đang điều nghiên mục tiêu thì bị vướng mìn.

- E mấy?

- Hăm Tám (28)

Tôi đã biết E 28 là tên của Trung Đoàn 28 Mặt Trận B3 Cộng-Sản Bắc-Việt, nên khai thác tiếp,

- Năm ngoái tớ có đụng E 28 ở Dak-Tô. Trận đó E 28 chết gần hết, cậu còn sống sót là may lắm đó

- Mới bổ sung về E 28 hai tháng thôi.

- Cấp chức gì?

- Trung úy Đặc-Công.

- Quê ở đâu?

- Hải ... Rừng

- Làng nào?

- Hỏi gì mà lắm thế?

- Thôi không hỏi nữa!

Thấy hẳn sắp quạu, tôi không thèm nói chuyện thêm. Tôi xoay người lại, nằm ngửa, quay mặt sang anh bạn Đồng-Minh. Cậu bé đã ngáy khò khò.

Đêm vào khuya, tôi bị vết mổ hành, chỉ nhắm mắt, chập chờn. Thêm vào đấy, cứ ba tiếng đồng hồ, y tá lại đánh thức tôi dậy, nhét hai viên trụ sinh vào mồm bắt nuốt. Từ sau lần bị thương thứ nhì, cơ thể tôi không thể tiếp nhận Penicillin, nên kỳ này bác sĩ cho tôi uống Erythromycin với liều lượng cao gấp đôi để phòng ngừa vết mổ làm độc.

Hình như tên tù binh có tâm sự, không ngủ được. Chắc anh ta đang suy tính điều gì gay go lắm? Lâu lâu hẳn lại mở mền, hé mắt quan sát quanh phòng. Có lúc hẳn gượng gạo ngồi dậy thừ đứng hai chân trên nền nhà, nhưng thấy không vững, y đành ngồi phịch xuống nệm, thờ dài. Mấy lần y mở miệng gọi tôi, "Này! Này!" Tôi khoát tay ra dấu cho hẳn ta im tiếng, đừng làm ồn lúc đêm khuya. Quá nửa đêm, ba, bốn y tá vào phòng hỏi sức, chuyển anh lính Mỹ ra xe, chở đi.

Lợi dụng lúc căn phòng chộn rộn, ồn ào, anh cán binh hỏi nhỏ:

- Các anh có đem tôi đi bắn bỏ không?

Tôi ngạc nhiên

- Cái gì mà bắn bỏ? Ai nói với anh điều đó?

Anh cán binh trả lời với vẻ mặt hoàn toàn thật thà,

- Chính ủy nói mà! Chính ủy nói, nếu để các anh bắt, các anh sẽ đem xử bắn. Tôi phì cười.

- Ai mà bắn anh làm gì? Tuyên truyền bậy bạ thế mà anh cũng tin!

Anh Việt-Cộng ngẩn người, ra chiều suy nghĩ, rồi lầm bầm, "Chẳng lẽ chính ủy nói sai?" tiếng anh ta nhỏ như thể là, anh ta nói, cho chính mình anh ta nghe thôi.

- Này! Có phải Xuân là vợ anh không? tôi hỏi dò.

- Đúng! Xuân là vợ tôi đấy! Xuân vừa đẻ đứa con gái đầu lòng thì tôi có lệnh đi B. Không biết kiếp này tôi có còn gặp lại Xuân và Bé Ty không?

Nghe tâm sự của anh ta, tôi không khỏi tủi lòng. Hai người ngừng trò chuyện khi cô y tá trở về phòng cho tôi uống thuốc. Ngày kế tiếp, sau bữa ăn sáng, hai Quân-Cảnh gác cửa phòng rút đi, Đại Úy Phạm Văn Tư và viên sĩ quan Phòng Nhì Sư-Đoàn 4 Hoa-Kỳ lại xuất hiện. Anh Tư bắt tay tôi, rồi ngồi xuống cạnh giường bệnh của tên tù Phiến Cộng.

- Hết lo chết rồi nhé! Giờ thì mình đi thôi!

Viên đại úy Mỹ cũng cúi xuống, vỗ vai người tù, xí xỏ vài câu hỏi thăm. Sau đó, hai sĩ quan Việt, Mỹ đỡ tên tù Cộng-Sản lên ghế lắn. Tôi đưa bao Salem còn hơn nửa cho tên cán binh.

- Này! Chăm lấy! Tôi cũng người Hải-Dương...

Anh trung úy Việt-Cộng rứt rề cầm bao thuốc lá nhét vào túi. Rồi, anh ta nắm lấy bàn tay phải của tôi, lắc lắc vài cái.

- Các anh đã cứu mạng tôi. Người ta nói rằng các anh độc ác lắm. Nhưng thật ra... các anh có độc ác đâu? Lúc này ánh mắt anh ta không còn vẻ gờm gờm, hằn học nữa. Tới cửa phòng, anh ta dơ tay vẫy tôi lần cuối.

Tới trưa, tôi được chuyển thêm một bịch nước biển pha trụ sinh rồi rời bệnh viện lúc hai giờ chiều, theo chế độ điều trị ngoại trú. Bà bác sĩ trưởng khoa dúm vào tay tôi cái bao nylon, trong đó chứa cục đạn bằng gang màu đen đã được chùi rửa sạch. Bà dặn dò:

- Don't throw it away! Keep it for memory!

Bà không bắt tay tôi, mà xoay lưng đi về văn phòng:

- Take care! Good bye! My son!

Phút chia tay, hình như bà tránh nhìn tôi, giọng nói của bà run run. Khi đỡ tôi lên xe, cô y tá mới nói nhỏ vào tai tôi: "*Her son was a Ranger like you!*"

Hai ngày sau tôi trở lại bệnh viện để thay băng thì cô y tá quen báo cho tôi biết rằng bà y sĩ trung tá trưởng khoa vừa lên đường về nước vì bà đã mãn nhiệm kỳ phục vụ ở Việt-Nam. Nhớ tới bà, lòng tôi chợt dâng lên một cảm giác lâng lâng, ngọt ngào. Thế là bà đã về quê! Bà đã xa rời chốn hiểm nguy. Bà sẽ về đoàn tụ với người con trai của bà; anh ấy cũng là một "Ranger" như tôi. Bà cũng giống mẹ tôi: những lúc xa con, thấy anh lính nào cỡ tuổi con mình, cũng thấy thương, như là thương con mình

* * *

Cuối tháng Chín năm 1974 Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân xuống Đức-Lập tăng cường cho Tiểu-Khu Quảng-Đức để tham dự cuộc hành quân khai thông Liên Tỉnh Lộ 8 B. Thiếu Tá Phạm Văn Tư (lúc này là Trưởng Phòng 2 Tiểu-Khu) lại gặp tôi lần nữa. Nhớ chuyện năm nào ở Bệnh Viện 71 Dã-Chiến, tôi hỏi anh Tư.

- Ngày đó, vì cớ gì mà anh cứu thằng trung úy Đặc-Công Việt-Cộng?

- Đạo lý làm người mà Long! "Moa" cứu hấn, chỉ vì hấn sắp chết. Và lại, hấn đâu phải là kẻ thù của chúng ta? Hấn chỉ là kẻ địch của chúng ta thôi. Tôi biểu đồng tình.

- Đúng! Kẻ thù là người có ân oán với mình. Những tên cán binh đang đánh nhau với mình thì có thù oán gì với mình đâu?

Tôi hỏi tiếp.

- Sau này anh có còn gặp lại y không?

- Không. Vì khai thác xong thì tụi này chuyển giao anh ta cho Phòng Nhì Quân-Đoàn II ngay. Giữ lâu làm gì? Tôi nhắc anh Tư.

- Anh có nhớ chuyện thằng Vi-Xi đó cứ gọi tên Xuân lúc hôn mê không? Và anh có biết Xuân là ai không?

- "Moa" không hỏi, mà cũng quên khuấy chuyện này rồi.

- Xuân là tên vợ hấn. Đứa con gái hấn vừa chào đời, thì hấn có lệnh vào Nam.

Nghe vậy, anh Tư bèn đưa bàn tay phải lên ngang ngực, dơ ngón trở ra nhịp nhịp.

- Ừ há! Chắc ngày trao đổi tù binh năm 1973 hấn đã về đoàn tụ với gia đình ngoài Bắc rồi.

Tôi chợt nhớ, tên cán binh ấy là người Hải-Dương, nên buột miệng.

- Thằng đó là người cùng quê với tôi đấy.

Anh Tư gật gù.

- Có khi hai người là bà con cũng nên?

Tôi cũng gật gù theo.

- Biết đâu chừng lại là anh em, họ hàng. Tôi có một bà dì và hai ông bác còn ở ngoài Bắc. Nếu như hấn là con của những người này, thì quả là "cốt nhục tương tàn".

Anh Tư phụ họa.

- Những thằng địch đang cầm súng chỉ là nạn nhân bị tụi đầu sỏ cầm quyền lợi dụng máu xương thôi. Mấy thằng Cộng-Sản "cội" đang ăn trên, ngồi trốc ở ngoài Hà-Nội mới là nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh "nồi da xáo thịt" này. Tụi đó mới chính là kẻ thù của chúng mình!

* * *

Đầu năm 1976, nghĩa là đúng sáu năm, sau ngày Đại Úy Phạm Văn Tư áp giải viên trung úy Đặc-Công Việt-Cộng tới Bệnh Viện 71 Dã-Chiến Hoa -Kỳ thì tôi và anh Tư đã thành hai trong số vài trăm tù nhân cấp thiếu tá của khu K 3 trại Tam-Hiệp, Biên-Hòa. Thời kỳ này, giờ khắc trôi từ từ như đang đợi chờ ngày bầu cử Quốc-Hội nước Việt-Nam Thống-Nhất. Chúng tôi còn ở trong Nam, chưa bị đưa ra Bắc, chưa bị cưỡng bách làm các công tác lao động nặng.

Riêng anh Phạm Văn Tư và người cùng Khóa 19 Võ-Bị của anh là Trần Văn Bé được trại tuyển dụng làm thợ đóng bàn ghế trên ban chỉ huy. Tám giờ sáng, vệ binh vào mở cổng, dẫn hai anh đi làm công tác. Năm giờ chiều, hai anh tự động trở về K 3, không có ai dẫn độ. Anh Trần Văn Bé là người ở cùng Đại Đội B với tôi trong Trường Võ-Bị thời sinh viên sĩ quan. Anh Bé cũng là người đã huấn luyện tôi những ngày đầu đời lính, nên chúng tôi không lạ gì nhau. Chiều chiều, anh Tư và anh Bé thường rủ tôi tới Lán 2, nơi có cái bàn gỗ của Thi Sĩ Trương Minh Dũng để hút thuốc lào và tán gẫu. Anh Trương Minh Dũng là bạn cùng Khóa 5 Thủ- Đức với Trung Tá Hoàng Kim Thanh, Liên Đoàn Trường Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân. Tôi đã gặp anh Dũng vài lần khi chúng tôi mới tới tăng phái cho tỉnh Quảng-Đức (9/1974). Lúc đó anh Dũng đang giữ chức vụ Tham Mưu Trưởng Tiểu-Khu này. Bây giờ thì ông Thi Sĩ Tham Mưu Trưởng Tiểu-Khu ngày xưa đã mang biệt danh rất hợp thời là “Dũng Điếu Cày”.

Anh Tư biết tôi ghét thuốc lào, nên mỗi ngày anh đều vắn cho tôi vài điều thuốc rê Cẩm-Lệ. Buổi trưa một ngày tháng Hai năm 1976, có tiếng súng liên thanh nổ ròn rã một tràng dài ngoài hàng rào. Tiếng súng ngừng lại vài giây, rồi tiếp tục, nhưng lơi đi, từng phát một, như ai đó đang thực tập bắn bia. Trên con đường nhựa bao quanh các khu cách ly, vệ binh chạy rầm rập nối đuôi nhau. Chúng vừa lên đạn “lách cách!” vừa gọi nhau oí oí: “*Báo động! Báo động! Tù trốn! Tù trốn!*”

Cổng chính của tất cả các khu giam giữ tù cải tạo liền bị đóng kín, khóa lại. Chòi gác nào cũng đầy lính canh, súng chĩa vào sân. Tù nhón nhác nhìn nhau ngỡ ngác. Rồi cửa hông được mở cho hai vệ binh ghim súng A.K đi vào K 3 để kiểm tra. Tù cải tạo bị đuổi về lán. Vệ binh vào từng nhà, đếm đầu, nhận mặt từng người, với sự xác nhận của lán trưởng. Kiểm tra xong, trong sân trại sinh hoạt đã trở lại, nhưng không còn cái không khí ồn ào náo nhiệt thường ngày. Tù cải tạo vẫn tùm nãm, tùm ba, nhưng không phải để đánh cờ, chơi bóng chuyền, hay tập thể dục dưỡng sinh, mà để rì rầm với nhau về chuyện mới xảy ra lúc buổi trưa. Chẳng ai biết vị sĩ quan nào của Việt-Nam Cộng-Hòa đã mạo hiểm làm nên sự kiện này. Trong sân trại, tiếng chim se se nói chuyện với nhau nhiều hơn là tiếng người ta.

Khoảng hai giờ chiều, loa phóng thanh trên chòi cao ra lệnh cho các lán trưởng lên văn phòng nhận lệnh. Khi trở về, lán trưởng Lán 24 của tôi là Thiếu Tá Trần Thành Trai tập họp tất cả lán viên, rồi tuyên bố: “*Trưa nay có hai cải tạo viên trốn trại. Tên Phạm Văn Tư bị bắt lại. Tên Trần Văn Bé còn tại đảo. Các anh đừng hoang mang, nghe lời dụ dỗ của bọn phản động mà trốn trại, sẽ mang họa vào thân.*” Chẳng rõ câu tuyên bố này là do Lán Trưởng Trần Thành Trai ứng khẩu, hay anh ta đã sao y nguyên bản lời của cán bộ? Tôi ra sân bóng chuyền tìm gặp vài người quen để hỏi thăm tin tức của hai người đàn anh Khóa 19. Một anh lán trưởng tiết lộ: Khi anh ta lên họp trên ban chỉ huy trại thì nghe vệ binh nói với nhau rằng anh Phạm Văn Tư bị bắn trọng thương, nhưng vẫn còn bị bỏ nằm trong hàng rào kẽm gai, vì khu vực đó có mìn nên vệ binh không chịu chui vào lòi anh Tư ra. Xế chiều, anh bạn Bắc Hải ngoắc tôi ra góc sân thì thầm.

- Anh Bé thoát rồi! Còn anh Tư thì bị bắn nát bẩy cả hai đùi và hai cánh tay. Người bắn anh Tư là “Thượng Sĩ Buồn” đó! Anh Tư thiệt là số xui. Thằng Thượng Sĩ Buồn đi đái, gặp ngay lúc anh Tư đang bị kẽm gai móc vào lưng áo, cách cầu tiêu có vài thước thôi. Nó chạy vào lấy khẩu A.K 47 nhắm hông và đùi của anh Tư, bắn hết một băng đạn ba mươi viên. Rồi nó ráp băng đạn thứ nhì, tì súng trên hàng rào, cứ nhắm tay, chân của anh Tư mà tiếp tục bóp cò từng viên một, cho tới viên cuối cùng. Chân tay anh Tư đã nát bẩy, nên anh ấy chỉ còn nước nằm kêu la đau đớn chờ chết. Mãi tới ba giờ chiều chúng nó mới cho gọi mấy anh cải tạo viên bên K 1 chui vào hàng rào, lòi anh Tư ra. Họ khiêng anh Tư về bệnh xá, thằng thiếu úy trưởng trại không cho băng bó, nó còn bắn thêm ba, bốn phát K 54 vào bụng anh Tư, rồi bắt khiêng anh Tư bỏ trên miếng ván nằm trong cái nhà kho cũ của trại. Anh Tư khát quá, xin uống nước, anh em đi lấy nước cho anh, thì thằng Thượng Sĩ Buồn ngăn lại, không cho uống. Sau đó, nó đuổi mấy anh ấy về lán. Nói xong, Hải buột miệng chửi thề:

- Đù Má! Cái thằng Thượng Sĩ Buồn này độc ác dữ!

“Thượng Sĩ Buồn” là biệt danh của tên Việt-Cộng quản giáo K 3. Tên này tuổi dưới ba mươi, mặt mày sáng sủa như một thư sinh. Không rõ tên thật của hắn là gì, nhưng anh em trong trại thường gọi hắn là “Thượng Sĩ Buồn”. Mà cũng đúng! Lúc nào mặt y cũng phẳng phất nét u sầu, như đang mang tâm sự không vui, như đang

nhớ thương ai. Tôi nhớ hồi còn ở bên K 1, ông “Ba Gà Mổ”, tức ông lán trưởng Thiếu Tá Nguyễn Văn Lộc đã từng chỉ cho tôi thấy mặt một cán bộ Việt-Cộng “hiền hết xẩy” nhân dịp tôi theo ông Lộc lên khiêng gạo trên văn phòng trại. Ông “Ba Gà Mổ” có vẻ biết rành rẽ tên cán binh này lắm.

- Anh quản giáo này quê ở mãi ngoài Bắc-Thái lặn! Ảnh mới vào Nam sau “ngày giải phóng”. Ảnh hiền hết xẩy! Cuối năm 1975 tôi được chuyển từ K 1 sang K 3. Khi thấy người phụ trách K3 chính là anh cán bộ “hiền hết xẩy” tôi cũng mừng.

Sáng sáng, Thượng Sĩ Buồn đứng nơi góc trại nhìn các anh tù tập thể dục dưỡng sinh. Chiều chiều, Thượng Sĩ Buồn rảo quanh trại đôi lần, thủng thủng tản bộ trên con đường mòn sát hàng rào. Lâu lâu hắn dừng chân ân cần hỏi thăm sức khỏe của những tù nhân đang tùm năm, tùm ba đánh cờ tướng hay đang bàn chuyện gẫu. Hắn rất sốt sắng liên lạc với cán bộ hậu cần giúp mua hàng cho anh em trong trại, mỗi khi được nhờ. Nói chung, hắn ta được lòng nhiều người. Không ai nghi ngờ lòng tốt của hắn cả. Có một vị tù cải tạo nào đó đã “phịa” ra cái lý lịch đầy màu sắc tiểu thuyết của Thượng Sĩ Buồn, rồi chuyện tai nhau: Nào là, hắn ta vốn là sinh viên đại học Y-Khoa, ly khai vào “bung” nhân Tết Mậu-Thân, ngày trở lại Sài-Gòn thì người yêu đã lấy chồng! Hoặc, cho hắn là con nhà địa chủ, cha mẹ chết hết trong thời cải cách ruộng đất, vì thế hắn buồn!

Chiều hôm đó Thượng Sĩ Buồn vẫn thủng thủng tản bộ trên con đường mòn quanh trại. Nhưng không có người tù cải tạo nào dám nhìn anh ta cả. Vì ai cũng biết rằng, anh ta chính là người đã lạnh lùng bóp cò, nhắm bắn từng viên A.K 47 trên thân thể một người cùng màu da, cùng nguồn cội với anh ta. Giờ đây, anh ta đã lộ rõ nguyên hình một tên cuồng sát máu lạnh núp đằng sau một khuôn mặt điển trai. Cũng từ hôm sau, cho tới ngày tôi lên tàu ra Bắc (tháng 7/1976), tôi không còn trông thấy Thượng Sĩ Buồn xuất hiện trong vòng rào K 3 nữa. Hình như hắn được chuyển sang phụ trách khu K 4?

Tối đó tôi mở ba lô, véo một cục từ bánh thuốc rê đầy ắp mà anh Phạm Văn Tư đã đưa cho tôi chiều hôm trước. Tay tôi vịn về những sợi thuốc, trí óc tôi hiện lên khuôn mặt vừa nghiêm trang, vừa buồn rầu của người Niên Trưởng. Lúc đưa “rê” thuốc cho tôi, giọng anh thực tử tốn, nhưng vô cùng dứt khoát, anh nói.

- Từ mai, “moa” bỏ thuốc! “Toa” cầm nguyên bánh Cẩm-Lệ này về, rồi tự tay vịn lấy mà hút! “Moa” chán cái việc suốt ngày ngồi vẩn vẩn, vè vè này rồi! Chẳng làm nên tích sự gì cả!

Chuyện xảy ra trưa nay, đã cho tôi hiểu rằng, thực sự, người đàn anh của tôi đâu đã chán thuốc rê? Anh cho tôi cả bánh Cẩm-Lệ còn mới toanh, và tuyên bố “bỏ thuốc”, chỉ vì anh phải bắt đầu một cuộc phiêu lưu ít người dám làm: Trốn trại! Thật vậy, có ít người dám làm điều này lắm! Chỉ vì, trốn trại chẳng phải chuyện đùa! Mà trốn trại, chính là đem sinh mạng của mình ra đánh đổi lấy Tự-Do.

Hai ông đàn anh của tôi đều là dân Tinh-Báo, do đó, dù thân thiết cách mấy, tôi cũng không hay biết mảy may mưu đồ của hai ông. Tôi cũng chợt nhận ra một điều trái khoáy, oái oăm, đó là chuyện ngày xưa Đại Úy Phạm Văn Tư vì “Đạo Làm Người” mà cứu mạng một tên Việt-Cộng sắp chết vì nội xuất huyết trên những vết thương ở đùi. Rồi chỉ sáu năm sau, người tù cải tạo Phạm Văn Tư lại bị những tên Việt-Cộng khác bắn nát tứ chi, không băng bó, vứt trong xó nhà, để mặc cho máu chảy tới cạn kiệt. Không có ai làm “garô” cho anh; không ai lưu tâm tới chuyện hai đùi, hai tay anh đang bị nội xuất huyết, hay ngoại xuất huyết cả; chắc chắn anh sẽ chết dần với nỗi đau đớn tột cùng. Cảnh này cũng thật là trái ngược với hình ảnh cô y tá Hoa-Kỳ tận tâm chăm sóc một tù binh bị thương, không cùng màu da và ngôn ngữ với cô, vừa luôn miệng dỗ dành: “*Don't worry! Don't worry! You will be Okay!*”

Ngày xưa, khi nhân loại còn dã man, có chuyện người chiến thắng đã đem địch quân ra tòng xẻo, hoặc trói kẻ thù lại, cột dây cho ngựa kéo lê tới chết. Ngày nay, dù thế giới đã đổi thay, nhưng cung cách đối xử với người dưới ngựa của Việt-Cộng cũng không văn minh hơn chút nào.

Tôi đang suy nghĩ miên man, thì anh bạn Nguyễn Phong Cảnh ló đầu vào cửa sổ ngoắc tay,

- Lẹ lên! Lẹ lên!

Vừa chui lọt thân mình qua cái cửa sổ, tôi đã bị anh Cảnh lôi đi như chạy giặc. Cảnh dẫn tôi men theo bờ rào, đi về hướng nhà bếp, tới góc cuối của K 3, cách cái chòi gác hai lớp kẽm gai. Lúc đó trên chòi không có lính canh. Hai đứa ngồi núp mình, nghe ngóng. Từ căn nhà tôn bên kia, cách tôi bốn lớp kẽm gai và hai khoảng đất trống, rõ ràng là tiếng la rú đau đớn của anh Tư đang vọng ra. “*Ói!... Ói! ... Ói!... ói!... ói!... ói!... ư... ư... ư...*”

Tiếng la rú lanh lảnh, đứt quãng, quần quại, từng đợt rợn người, của một sinh vật sắp chết đã phá vỡ cái yên tĩnh của một vùng không gian vào lúc trời chạng vạng. Chắc chắn trong suốt cuộc chiến tranh hai mươi năm vừa qua, khó có thương binh nào phải lâm vào tình trạng đau đớn khủng khiếp như tình trạng hiện thời của

người thất trận Phạm Văn Tư. Tôi nghĩ rằng, nếu có gom góp hết những đau đớn mà tôi đã từng trải, qua ba lần bị thương, cũng chẳng thấm gì với cái đau mà người đàn anh của tôi đang gánh chịu giờ phút này.

Bạn cùng lán của tôi, Thiếu Tá Nguyễn Phong Cảnh, là một sĩ quan thuần túy tham mưu, không quen với cảnh máu đổ, thịt rơi ngoài trận tiền, nên chỉ qua vài phút chứng kiến cảnh thương tâm này, anh Cảnh đã chịu đựng không nổi. Anh òa lên khóc tức tưởi, rồi ù té chạy về hướng sân bóng chuyền. Tôi vẫn ngồi sát bờ rào, theo dõi tiếp. Tiếng rú hạ thấp xuống thành tiếng rên, “Hừ!... Hừ!...hừ! ...hừ!...” Rồi hình như trong khi rên, anh Tư đã ú ớ gọi tên ai đó: “Hừ!... Hừ!...Hừ!...Hường...oi!...Hu...ường ...oi!...ực!... ực!...ực!...” Cuối cùng, chen lẫn với những tiếng nấc, bên kia rào chỉ còn những tiếng, “U! U!...U! U!...u! u!...” nhỏ dần. Mấy chục năm sau, mỗi khi nhớ lại chuyện này, hai mắt tôi vẫn thấy nóng lên và mờ đi, tim tôi vẫn còn chùng xuống như một con tàu vỡ, đang bị nước tràn vào, đang trôi dạt chìm dần xuống đáy biển khơi.

Mấy phút sau, hình như anh Tư đã kiệt sức, không rên được nữa. Thấy không nghe thêm được gì, tôi đành lồm lũi trở về nhà giam. Trong khu K 3, ngoại trừ những hôm có văn nghệ hay chiếu phim, thì sau tám giờ tối, cổng khóa, không còn vệ binh đi tuần tra trong vòng rào nữa. Và cũng từ khi có kèng báo ngủ (chín giờ tối) thì trên chòi canh, vệ binh bắt đầu các phiên gác đổi. Từ khi tắt đèn cho tới khuya, lâu lâu tiếng gào thét, la hét của anh Tư lại theo gió vọng về. Có lẽ tới gần hai giờ sáng mới hoàn toàn không còn tiếng rú đau đớn của anh Tư nữa.

Suốt đêm đó tôi cứ giả đờ mắc tiểu, lâu lâu lại đi ra sát bờ rào nghe ngóng. Cũng đêm hôm đó, hình như có nhiều người trong khu K 3 cùng mang tâm trạng như tôi. Trong số này, ngoài Nguyễn Lành, Tạ Mạnh Huy và Ngô Văn Niều ra, còn vài anh Võ-Bị bên Lán 17. Họ cũng thay phiên nhau ra hàng rào... đứng một lúc, nghe ngóng ... rồi đi vào. Chúng tôi như chim cùng đàn, một con bị bắn chết, những con khác chỉ biết bay lòng vòng trên cao, cất tiếng kêu thương. Mờ sáng ngày kế tiếp, có sáu anh tù cải tạo được gọi lên văn phòng để đi chôn xác anh Tư.

Tuần sau, anh Trần Văn Bé bị Việt-Cộng bắt trở lại, và đem về nhốt trong connex đặt trên ban chỉ huy trại. Cùng thời gian này, một anh tù trốn trại khác cũng bị giải về đây nhốt chung với anh Bé. Anh bạn này là Đại-Úy Biệt Động Quân Phạm Hữu Thịnh. Anh Thịnh đã cùng anh Thiếu Tá Quách Hồng Quang, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 44 Biệt Động Quân chui rào, tìm cách thoát đi từ Trại Hóc-Môn. Anh Quang bị vệ binh bắn chết ngay tại hàng rào, còn anh Thịnh thì bị bắt khi vừa chui ra khỏi lán. Anh Quách Hồng Quang là bạn cùng đơn vị với tôi thời chúng tôi còn là đại đội trưởng ở Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân. Còn anh Thịnh lại là dân cùng ngành Tĩnh-Báo với anh Tư và anh Bé.

Giữa tháng Tư năm 1976, anh Bé và anh Thịnh bị đưa ra tòa án của trại để xử tội. Hôm đó là một ngày nắng gắt. Khoảng hơn mười giờ sáng, khi loa phóng thanh truyền về trại âm thanh của những loạt đạn A.K kết thúc mạng sống của hai người thua trận, thì trời đang nắng bỗng tối sầm, một cơn giông kéo tới, bụi đất mù mịt. Tiếp theo, là một trận mưa rào xối xả, sầm sập trên mái tôn. Nước mưa vừa bốc thành hơi ngùn ngụt, vừa tuôn xuống đất ào ào. Nhưng chỉ vài phút sau, đột ngột, mưa ngừng. Cảnh vật lại trở về tình trạng cũ. Hiện tượng khác thường này khiến người ta liên tưởng tới sự hiện diện của Đấng Vô Hình ở trên cao, đang theo dõi các hoạt động của con người dưới trần gian. **Có phải cái chết oan ức của hai vị sĩ quan Việt-Nam Cộng-Hòa đã động tới lòng Trời? Khiến Trời phải nổi cơn giông phần nộ hay không?** Tôi thì tin tưởng rằng, lúc cơn giông nổi lên, chính là lúc Thượng-Đế đưa bàn tay thương yêu của Người ra, để dắt dìu linh hồn các bạn tôi tới bến bờ Tự-Do.

Từ phút đó cho tới chiều tối, trong sân tập hợp của khu K 3, tù cải tạo lại tụ nhau từng nhóm, thì thầm đọc kinh cầu nguyện. Những anh tù đại diện có mặt trong phiên tòa, khi về trại, đã kể lại, việc chôn cất hai người bại trận cũng diễn ra rất gọn, vì một ngày trước khi có phiên tòa này, thì hai cái huyệt để chôn người bị xử tử đã được ban chỉ huy trại cho người đào sẵn sàng rồi. Vậy là, chỉ trong một thời gian ngắn ngủi sau khi mất nước, bốn người bạn của tôi đã phải trả giá cho Tự-Do bằng chính sinh mạng của họ.

Sau ngày Ba Mười tháng Tư năm 1975, thời thế đã đổi thay.

Cái Thiện đã nhường chỗ cho cái Ác.

Tự-Do, Bác-Ái, Công-Bằng chỉ còn là kỷ niệm.